

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NHỰA, BAO BÌ VINH**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	12 - 31



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh tiền thân là nhà máy Nhựa Bao bì trực thuộc Công ty Hợp tác Kinh tế Quân khu 4 được cổ phần hóa theo Quyết định số 144/2002/QĐ-BQP ngày 10 tháng 10 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703000092 ngày 03 tháng 01 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 06 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi về người đại diện theo pháp luật, thay đổi mã số doanh nghiệp và vốn điều lệ, trong đó thay đổi lần thứ 06 ngày 13 tháng 9 năm 2017.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
- Điện thoại : 0238 3855524
- Fax : 0238 3856007

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: In bao bì; Sản xuất, mua bán bao bì xi măng; Sản xuất, mua bán bao bì PP, PE và các sản phẩm bằng nhựa.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Hữu Sơn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2023
Ông Nguyễn Trung Kiên	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Bà Phạm Nguyệt Minh	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Lê Xuân Thọ	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Ông Trương Đắc Thành	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2023

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Trần Ngọc Sâm	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Minh Trang	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2022
Bà Đồng Thị Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2023

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Lê Xuân Thọ	Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 04 tháng 5 năm 2022
Ông Trương Đắc Thành	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 11 năm 2022
Ông Phan Văn Toàn	Kế toán trưởng	Tái bổ nhiệm ngày 04 tháng 5 năm 2022

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Xuân Thọ - Giám đốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc

Giám đốc



Lê Xuân Thọ

Ngày 13 tháng 8 năm 2024

5-00
IÁNH
TY
M HỒ
VÀ TU
C
A NỘ
- TP.

Số: 2.0497/2024/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 13 tháng 8 năm 2024, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thị Từ – Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0059-2023-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		313.478.219.087	309.869.208.799
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.014.121.802	489.384.850
1. Tiền	111		1.014.121.802	489.384.850
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		222.839.317.413	226.139.967.444
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	223.023.147.065	225.998.822.607
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		675.945.283	395.215.678
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		68.785.883	87.259.534
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.3	(928.560.818)	(341.330.375)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		82.097.791.494	79.783.490.428
1. Hàng tồn kho	141	V.4	82.097.791.494	79.783.490.428
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.526.988.378	3.456.366.077
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5a	1.217.020.433	1.252.364.009
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.287.229.885	2.181.264.008
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.9	22.738.060	22.738.060
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		79.631.901.035	78.296.042.143
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		67.712.466.509	74.513.019.899
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	67.712.466.509	74.513.019.899
- Nguyên giá	222		295.770.214.482	294.941.034.606
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(228.057.747.973)	(220.428.014.707)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		8.416.528.261	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.7	8.416.528.261	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.502.906.265	3.783.022.244
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5b	3.502.906.265	3.783.022.244
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		393.110.120.122	388.165.250.942

0449
CHI
CỔ
ÁCH N
IỂM T
TA
ÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		239.870.183.421	230.358.901.014
I. Nợ ngắn hạn	310		239.522.245.516	229.315.263.109
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	79.729.895.902	92.639.260.465
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		678.270.578	1.969.786.731
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	1.441.567.780	2.772.860.359
4. Phải trả người lao động	314		15.449.873.777	24.066.279.349
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.10	9.997.478.236	366.124.227
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	9.095.171.096	1.029.653.048
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12a	119.957.802.655	104.380.284.573
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.13	3.172.185.492	2.091.014.357
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		347.937.905	1.043.637.905
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12b	347.937.905	1.043.637.905
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		153.239.936.701	157.806.349.928
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	153.239.936.701	157.806.349.928
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		74.999.720.000	74.999.720.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		74.999.720.000	74.999.720.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.449.994.545	1.449.994.545
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(120.000)	(120.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		63.033.147.493	54.612.315.540
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.757.194.663	26.744.439.843
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	26.744.439.843
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		13.757.194.663	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		393.110.120.122	388.165.250.942

Người lập

Kế toán trưởng

Lập, ngày 13 tháng 8 năm 2024

Giám đốc

Trần Thị Quế Lâm

Phan Văn Toàn

Lê Xuân Thọ



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	383.211.273.852	429.769.718.125
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	64.842.460	265.078.050
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		383.146.431.392	429.504.640.075
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	346.511.352.665	385.617.889.706
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		36.635.078.727	43.886.750.369
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	1.601.819.592	1.587.033.296
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	2.796.131.588	7.189.857.062
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.639.929.310	6.566.113.433
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	8.819.732.630	11.617.374.221
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	9.450.607.718	8.925.943.813
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17.170.426.383	17.740.608.569
11. Thu nhập khác	31	VI.8	127.724.455	95.757.055
12. Chi phí khác	32	VI.9	83.353.559	123.384.123
13. Lợi nhuận khác	40		44.370.896	(27.627.068)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		17.214.797.279	17.712.981.501
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.9	3.457.602.616	3.577.349.578
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		13.757.194.663	14.135.631.923
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.708	1.708
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	1.708	1.708

Người lập

Kế toán trưởng

Lập, ngày 13 tháng 8 năm 2024

Giám đốc

Trần Thị Quế Lâm

Phan Văn Toàn

Lê Xuân Thọ

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		408.489.284.049	462.490.205.654
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(322.003.471.222)	(353.796.615.521)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(63.381.691.366)	(66.668.756.926)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(2.643.367.083)	(6.602.408.758)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.9	(4.832.519.124)	(5.432.578.587)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		667.377.562	181.117.338
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(16.061.607.571)	(19.001.163.063)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		234.005.245	11.169.800.137
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(8.056.961.632)	(3.963.426.790)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(8.056.961.632)	(3.963.426.790)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.12	365.447.473.777	404.433.201.930
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.12	(350.565.455.995)	(406.544.084.746)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.534.309.420)	(6.620.450.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		8.347.708.362	(8.731.333.216)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		524.751.975	(1.524.959.869)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	489.384.850	2.523.473.029
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(15.023)	6.427
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	1.014.121.802	998.519.587

Người lập

Kế toán trưởng

Lập, ngày 13 tháng 8 năm 2024

Giám đốc

Trần Thị Quế Lâm

Phan Văn Toàn

Lê Xuân Thọ



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Vinh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: In bao bì; Sản xuất, mua bán bao bì xi măng; Sản xuất, mua bán bao bì PP, PE và các sản phẩm bằng nhựa.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có 907 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 921 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là Công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm được phân bổ theo thời hạn của hợp đồng bảo hiểm.

15-002
HÀNH
G TY
EM HỮU
VÀ TƯ
& C
À NỘI
TP. H

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 15
Máy móc và thiết bị	03 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Tài sản cố định khác	02

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

13. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ bao gồm hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	71.068.439	24.355.408
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	943.053.363	465.029.442
Cộng	1.014.121.802	489.384.850

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	52.973.041.438	45.907.793.385
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	27.455.360.024	29.622.361.143
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thắng Group	23.898.456.000	23.969.508.660
Công ty TNHH Bê tông Kaito Việt Nam	15.452.606.628	-
Công ty TNHH Đầu tư thương mại Xuân Thành	12.146.604.765	21.810.321.036
Các khách hàng khác	91.097.078.210	104.688.838.383
Cộng	223.023.147.065	225.998.822.607

Toàn bộ khoản phải thu luân chuyển cuối kỳ đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (Xem thuyết minh V.12a).

3. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Thừa Thiên Huế	1.137.767.916	(568.883.958)	1.137.767.916	(341.330.375)
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Vương Minh Sang	1.198.922.868	(359.676.860)	-	-
Cộng	2.336.690.784	(928.560.818)	1.137.767.916	(341.330.375)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	341.330.375	118.314.519
Trích lập dự phòng bổ sung	587.230.443	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(118.314.519)
Số cuối kỳ	928.560.818	-

4. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	3.500.000	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	22.419.815.114	-	36.816.243.326	-
Công cụ, dụng cụ	3.003.998.573	-	3.664.413.575	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	42.889.862.891	-	25.940.280.013	-
Thành phẩm	13.780.614.916	-	12.243.624.983	-
Hàng gửi đi bán	-	-	1.118.928.531	-
Cộng	82.097.791.494	-	79.783.490.428	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển cuối kỳ tại 3 nhà máy đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (Xem thuyết minh V.12a).

5. Chi phí trả trước

5a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	595.236.010	787.046.605
Chi phí bảo hiểm	256.261.182	208.414.876
Chi phí sửa chữa	29.338.516	233.430.304
Chi phí thuê đất	328.360.650	-
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	7.824.075	23.472.224
Cộng	1.217.020.433	1.252.364.009

5b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	809.463.485	1.001.808.775
Chi phí sửa chữa	375.087.461	392.294.059
Chi phí thuê đất (*)	2.318.355.319	2.373.336.077
Các chi phí trả trước dài hạn khác	-	15.583.333
Cộng	3.502.906.265	3.783.022.244

(*) Là tiền thuê đất nhà máy 2 tại khu công nghiệp Gia Lách, thị trấn Gia Lách, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh từ ngày 01/04/2011 đến ngày 01/08/2045, được bù trừ với tiền bồi thường giải phóng mặt bằng mà Công ty đã chi.

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	58.216.890.945	221.055.669.752	14.588.851.766	1.029.332.143	50.290.000	294.941.034.606
Mua trong kỳ	-	829.179.876	-	-	-	829.179.876
Số cuối kỳ	58.216.890.945	221.884.849.628	14.588.851.766	1.029.332.143	50.290.000	295.770.214.482
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	28.695.119.704	99.085.915.847	13.751.468.545	1.029.332.143	50.290.000	142.612.126.239
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	46.078.339.061	159.531.449.108	13.738.604.395	1.029.332.143	50.290.000	220.428.014.707
Khấu hao trong kỳ	1.259.237.488	6.276.218.893	94.276.885	-	-	7.629.733.266
Số cuối kỳ	47.337.576.549	165.807.668.001	13.832.881.280	1.029.332.143	50.290.000	228.057.747.973
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	12.138.551.884	61.524.220.644	766.964.541	-	-	74.513.019.899
Số cuối kỳ	10.879.314.396	56.077.181.627	755.970.486	-	-	67.712.466.509
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	112.149.000	159.082.500	6.086.363.636	-	-	6.357.595.136

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 56.917.656.270 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí đầu tư mua sắm tài sản cố định là 01 Dây chuyền sản xuất bao dán đáy, được phê duyệt theo Quyết định số 22/QĐ-HĐQT ngày 15/01/2024 với tổng mức đầu tư 10.000.000.000 VND, dự kiến hoàn thành lắp đặt đưa vào sử dụng trong năm 2024. Tổng chi phí đầu tư đã phát sinh trong kỳ là 8.416.528.261 VND.

8. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>52.010.343</i>	<i>902.192.364</i>
Công ty Cổ phần Sông Đà Trường Sơn	52.010.343	109.350.000
Công ty Cổ phần Nhựa bao bì An Vinh	-	792.842.364
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>79.677.885.559</i>	<i>91.737.068.101</i>
Công ty TNHH MTV Marubeni Việt Nam	17.841.600.000	15.741.000.000
Công ty TNHH Đông Á Bắc Ninh	17.291.613.672	18.854.971.668
Công ty TNHH Minh Hoàng	10.073.866.213	9.265.176.087
Công ty TNHH Thành Dũng	8.562.933.200	6.000.917.976
Công ty Cổ phần Stavian Hóa chất	4.364.492.500	15.142.900.000
Các nhà cung cấp khác	21.543.379.974	26.732.102.370
Cộng	79.729.895.902	92.639.260.465

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	3.533.879.114	(3.533.879.114)	-	-
Thuế nhập khẩu	-	-	25.264.389	(25.264.389)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.340.022.572	-	3.457.602.616	(4.832.519.124)	965.106.064	-
Thuế thu nhập cá nhân	432.837.787	-	57.582.630	(13.958.701)	476.461.716	-
Thuế nhà đất	-	12.738.060	14.541.199	(14.541.199)	-	12.738.060
Tiền thuê đất	-	10.000.000	353.619.161	(353.619.161)	-	10.000.000
Các loại thuế khác	-	-	8.091.584	(8.091.584)	-	-
Cộng	2.772.860.359	22.738.060	7.450.580.693	(8.781.873.272)	1.441.567.780	22.738.060

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	17.214.797.279	17.712.981.501
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	126.071.852	221.586.773
- Các khoản điều chỉnh giảm	(52.856.052)	(246.703.385)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Kỳ này	Kỳ trước
Thu nhập chịu thuế	17.288.013.079	17.687.864.889
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	3.457.602.616	3.537.572.978
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	39.776.600
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3.457.602.616	3.577.349.578

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế. Trong đó:

- Tiền thuê đất nhà máy 1 tại Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An với diện tích 11.794,5 m² là 353.619.161 VND/năm;
- Tiền thuê đất nhà máy 2 tại khu công nghiệp Gia Lách, thị trấn Gia Lách, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh là 109.961.517 VND/năm được bù trừ với tiền bồi thường giải phóng mặt bằng mà Công ty đã chi ra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

10. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền lương phép, lương năng suất phải trả	2.107.904.039	-
Chi phí lãi vay phải trả	83.659.396	87.097.169
Chi phí mua NVL chưa có hoá đơn	7.805.914.801	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	-	279.027.058
Cộng	9.997.478.236	366.124.227

11. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	6.950.093.400	70.615.800
Tổng Công ty Hợp tác kinh tế - Cổ tức phải trả	6.879.477.600	-
Phụ cấp HĐQT, BKS	70.615.800	70.615.800
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	2.145.077.696	959.037.248
Kinh phí công đoàn	1.152.361.959	930.353.879
BHXXH, BHYT, BHTN	183.399.949	-
Cổ tức phải trả	86.140.980	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	723.174.808	28.683.369
Cộng	9.095.171.096	1.029.653.048

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

12. Vay

12a. Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>110.304.402.655</i>	<i>93.796.884.573</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An ⁽ⁱ⁾	54.968.518.112	35.676.790.227
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nghệ An ⁽ⁱⁱ⁾	23.018.831.463	34.747.046.231
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Vinh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	32.317.053.080	23.373.048.115
<i>Vay ngắn hạn các cá nhân ^(iv)</i>	<i>8.262.000.000</i>	<i>9.192.000.000</i>
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.12b)</i>	<i>1.391.400.000</i>	<i>1.391.400.000</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An	1.182.400.000	1.182.400.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Vinh	209.000.000	209.000.000
Cộng	119.957.802.655	104.380.284.573

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An theo các Hợp đồng số 176/TD23-NAN ngày 02/10/2023 và 177/TD21-NAN ngày 02/10/2023 với hạn mức vay lần lượt là 4.000.000 USD và 140.000.000.000 VND, mục đích bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay từng lần tối đa không quá 4 tháng, lãi suất vay quy định trên từng Giấy nhận nợ (lãi suất 6 tháng đầu năm 2024 là từ 4% - 4,4%). Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số BG 481982 do UBND tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 25/05/2012 và BI 716660 do UBND tỉnh Nghệ An cấp ngày 09/07/2012; tài sản cố định là máy móc thiết bị thuộc quyền sở hữu của công ty; toàn bộ hàng hoá và hàng tồn kho luân chuyển trong quá trình sản xuất.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nghệ An theo Hợp đồng số 135234.23.810.3670001.TD ngày 17/05/2023 với hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 VND, nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bao bì. Thời hạn vay từng lần tối đa không quá 6 tháng, lãi suất thả nổi được quy định theo từng văn bản nhận nợ (lãi suất 6 tháng đầu năm 2024 là 4,5%). Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản cố định là máy móc thiết bị; toàn bộ các khoản phải thu luân chuyển và hàng tồn kho luân chuyển tại 3 nhà máy.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Vinh theo Hợp đồng hạn mức số 01/2023-HĐCVHM/NHCT442-VBC ngày 24/10/2023 với hạn mức tín dụng là 65.000.000.000 đồng, mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay từng lần tối đa không vượt quá 5 tháng, lãi suất vay thả nổi bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng + biên độ 3,5%/năm (lãi suất 6 tháng đầu năm 2024 là 4,4%). Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản cố định là máy móc thiết bị thuộc quyền sở hữu của công ty.
- (iv) Vay tín chấp các cá nhân để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 9,38%/năm, thời hạn vay dưới 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay ngắn hạn các cá nhân	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	93.796.884.573	9.192.000.000	1.391.400.000	104.380.284.573
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	363.627.473.777	1.820.000.000	-	365.447.473.777
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	-	695.700.000	695.700.000
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(347.119.755.995)	(2.750.000.000)	(695.700.000)	(350.565.455.995)
CLTG do đánh giá lại khoản vay có gốc ngoại tệ cuối kỳ	(199.700)	-	-	(199.700)
Cộng	110.304.402.655	8.262.000.000	1.391.400.000	119.957.802.655

12b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An ⁽ⁱ⁾	295.600.000	886.800.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Vinh ⁽ⁱⁱ⁾	52.337.905	156.837.905
Cộng	347.937.905	1.043.637.905

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An theo Hợp đồng số 296/DTDA17/NAN.KHDN ngày 27/05/2019 để đầu tư tài sản cố định. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất vay thả nổi (lãi suất 6 tháng đầu năm 2024 là 7,4%). Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hình thành từ vốn vay.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh theo Hợp đồng vay số 01/2021-HĐCVDADT/NHCT442-VBC ngày 07/07/2021 để đầu tư tài sản cố định. Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất vay thả nổi (lãi suất 6 tháng đầu năm 2024 là 12,5%). Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hình thành từ vốn vay.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	1.391.400.000	1.391.400.000
Trên 1 năm đến 5 năm	347.937.905	1.043.637.905
Cộng	1.043.637.905	2.435.037.905

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	1.043.637.905	4.035.539.468
Số tiền vay phát sinh	-	-
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(695.700.000)	(1.759.709.682)
Số cuối kỳ	347.937.905	2.275.829.786

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	1.889.546.485	1.392.755.159	(1.889.546.485)	1.392.755.159
Quỹ phúc lợi	201.467.872	3.210.415.976	(1.632.453.515)	1.779.430.333
Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành	-	220.508.755	(220.508.755)	-
Cộng	2.091.014.357	4.823.679.890	(3.742.508.755)	3.172.185.492

14. Vốn chủ sở hữu

14a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	74.999.720.000	1.449.994.545	(120.000)	46.475.296.752	27.261.706.297	150.186.597.594
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	-	14.135.631.923	14.135.631.923
Trích lập các quỹ	-	-	-	8.137.018.788	(15.086.778.297)	(6.949.759.509)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(13.499.928.000)	(13.499.928.000)
Số dư cuối kỳ trước	74.999.720.000	1.449.994.545	(120.000)	54.612.315.540	12.810.631.923	143.872.542.008
Số dư đầu năm nay	74.999.720.000	1.449.994.545	(120.000)	54.612.315.540	26.744.439.843	157.806.349.928
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	13.757.194.663	13.757.194.663
Trích lập các quỹ	-	-	-	8.420.831.953	(13.244.511.843)	(4.823.679.890)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(13.499.928.000)	(13.499.928.000)
Số dư cuối kỳ này	74.999.720.000	1.449.994.545	(120.000)	63.033.147.493	13.757.194.663	153.239.936.701

14b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng công ty Hợp tác kinh tế	38.219.320.000	38.219.320.000
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	26.133.190.000	26.133.190.000
Các cổ đông khác	10.647.090.000	10.647.090.000
Cộng	74.999.600.000	74.999.600.000

14c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.499.972	7.499.972
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	7.499.972	7.499.972
- Cổ phiếu phổ thông	7.499.972	7.499.972
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(12)	(12)
- Cổ phiếu phổ thông	(12)	(12)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.499.960	7.499.960
- Cổ phiếu phổ thông	7.499.960	7.499.960
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

14d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 số 35/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông (18%/vốn điều lệ)	: 13.499.928.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 8.420.831.953
• Trích quỹ khen thưởng	: 1.717.755.159
• Trích quỹ phúc lợi	: 4.210.415.976
• Trích thưởng ban quản lý điều hành	: 220.508.755

Kỳ trước, Công ty đã tạm phân phối lợi nhuận năm 2023 trên cơ sở Nghị quyết Hội đồng quản trị số 243/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 6 năm 2023 như sau:

	VND
• Trích quỹ khen thưởng	: 325.000.000
• Trích quỹ phúc lợi	: 1.000.000.000

15. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền bao gồm 32.887,89 USD (số đầu năm là 1.784,23 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	5.076.749.229	9.425.721.952
Doanh thu bán thành phẩm	378.134.524.623	420.039.608.673
Doanh thu khác	-	304.387.500
Cộng	383.211.273.852	429.769.718.125

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Hàng bán bị trả lại	42.089.210	265.078.050
Giảm giá hàng bán	22.753.250	-
Cộng	64.842.460	265.078.050

3. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	4.668.790.643	8.269.628.537
Giá vốn của thành phẩm đã bán	341.842.562.022	377.348.261.169
Cộng	346.511.352.665	385.617.889.706

15-00
NHÂN
NG TY
ỆM HỮU
VÀ TỰ
& C
À NỘI
TP. V

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	42.275.000
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.569.284	3.014.862
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.467.456.432	1.541.743.434
Lãi CLTG do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ	132.793.876	-
Cộng	1.601.819.592	1.587.033.296

5. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	2.639.929.310	6.566.113.433
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	143.206.327	185.308.766
Lỗ CLTG do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ	-	413.820.804
Chi phí khác	12.995.951	24.614.059
Cộng	2.796.131.588	7.189.857.062

6. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	672.905.952	707.734.462
Chi phí vật liệu, bao bì	1.530.598.526	1.406.380.884
Chi phí khấu hao tài sản cố định	36.698.586	160.268.178
Chi phí vận chuyển	5.654.717.743	7.381.684.618
Chi phí dịch vụ mua ngoài	295.795.457	1.199.394.174
Các chi phí khác	629.016.366	761.911.905
Cộng	8.819.732.630	11.617.374.221

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	4.925.189.768	4.656.933.738
Chi phí vật liệu quản lý	323.506.319	299.402.229
Chi phí đồ dùng văn phòng	121.724.322	168.955.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.300.002	67.241.677
Thuế, phí và lệ phí	105.079.925	26.019.454
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	587.230.443	(118.314.519)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	332.648.337	532.990.942
Các chi phí khác	3.047.928.602	3.292.715.292
Cộng	9.450.607.718	8.925.943.813



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Bán phế liệu	107.636.492	93.795.455
Thu nhập khác	20.087.963	1.961.600
Cộng	127.724.455	95.757.055

9. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Phạt vỏ bao hàng rách vỡ	37.179.870	50.770.510
Thuế bị phạt, bị truy thu	4.091.584	64.532.600
Chi phí khác	42.082.105	8.081.013
Cộng	83.353.559	123.384.123

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.757.194.663	14.135.631.923
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Ban quản lý điều hành (*)	(3.013.547.354)	(1.325.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	10.743.647.309	12.810.631.923
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	7.499.960	7.499.960
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.432	1.708

(*) Để phục vụ mục đích trình bày chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay, quỹ khen thưởng, phúc lợi và thưởng Ban quản lý điều hành được tạm tính theo tỷ lệ lần lượt là 6%, 15% và 0,8% lợi nhuận sau thuế kỳ này của Công ty. Tỷ lệ này được xác định theo mức trích của năm 2023.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	274.621.321.532	298.945.604.087
Chi phí nhân công	64.827.585.822	66.447.597.290
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.629.733.266	8.575.806.985
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.047.306.235	23.234.444.784
Chi phí khác	5.354.599.795	4.131.287.132
Cộng	377.480.546.650	401.334.740.278

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.11.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Chức danh	Tiền lương	Tiền thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ này					
<i>Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc</i>					
Ông Nguyễn Hữu Sơn	Chủ tịch	210.600.000	36.558.030	-	247.158.030
Ông Lê Xuân Thọ	Thành viên/Giám đốc	187.200.000	40.039.748	28.080.000	255.319.748
Ông Trương Đắc Thành	Thành viên/Phó Giám đốc	164.220.000	33.076.313	28.080.000	225.376.313
Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên	-	24.372.020	28.080.000	52.452.020
Ông Phạm Nguyệt Minh	Thành viên	-	24.372.020	28.080.000	52.452.020
Ông Phan Văn Toàn	Kế toán trưởng	148.680.000	26.112.879	-	174.792.879
<i>Ban Kiểm soát</i>					
Ông Trần Ngọc Sâm	Trưởng ban	148.680.000	24.372.020	-	173.052.020
Bà Đồng Thị Hà	Thành viên	-	-	22.302.000	22.302.000
Bà Nguyễn Thị Minh Trang	Thành viên	-	-	22.302.000	22.302.000
Cộng		859.380.000	208.903.031	156.924.000	1.225.207.031

Kỳ trước

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Hữu Sơn	Chủ tịch (từ 18/4/2023) /Phó Giám đốc (đến 18/4/2023)	182.950.385	-	-	182.950.385
Ông Ngô Quang Việt	Chủ tịch (đến 18/4/2023)	-	-	24.960.000	24.960.000
Ông Lê Xuân Thọ	Thành viên/Giám đốc	187.200.000	-	28.080.000	215.280.000
Ông Trương Đắc Thành	Thành viên (từ 18/4/2023) /Phó Giám đốc	164.220.000	-	9.360.000	173.580.000
Ông Nguyễn Trung Kiên	Thành viên	-	-	28.080.000	28.080.000
Ông Phạm Nguyệt Minh	Thành viên	-	-	28.080.000	28.080.000
Ông Phan Văn Toàn	Thành viên (đến 18/4/2023) /Kế toán trưởng	148.680.000	-	18.720.000	167.400.000

Ban Kiểm soát

Ông Trần Ngọc Sâm	Trưởng ban	148.680.000	-	-	148.680.000
Bà Đồng Thị Hà	Thành viên (từ 18/4/2023)	-	-	7.434.000	7.434.000
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Thành viên (đến 18/4/2023)	-	-	22.302.000	22.302.000
Bà Nguyễn Thị Minh Trang	Thành viên	-	-	14.868.000	14.868.000
Cộng		831.730.385	-	181.884.000	991.312.385

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Tổng Công ty Hợp tác kinh tế	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Sông Đà Trường Sơn	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần An Tiến Industry	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần An Thành Bicsol Pte Ltd	Công ty con của Cổ đông lớn
An Thanh Bicsol Singapore Pte., Ltd	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Nhựa bao bì An Vinh	Công ty con của Cổ đông lớn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Sông Đà Trường Sơn		
Mua hàng hóa	338.587.425	125.302.021
Công ty Cổ phần An Thành Bicsol		
Mua hàng hóa	-	1.551.500.000
Công ty Nhựa Bao bì An Vinh		
Mua hàng hóa	191.915.300	-
Tổng Công ty Hợp tác kinh tế		
Chia cổ tức cho Công ty mẹ	6.879.477.600	6.879.477.600
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh		
Chia cổ tức	4.703.974.200	4.703.974.200

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.8 và V.11.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

2a. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	Khu vực trong nước	Khu vực nước ngoài	Cộng
Kỳ này			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	287.846.369.368	95.300.062.024	383.146.431.392
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	287.846.369.368	95.300.062.024	383.146.431.392
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	21.584.342.541	6.231.003.556	27.815.346.097
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(9.450.607.718)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Khu vực trong nước	Khu vực nước ngoài	Cộng
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			18.364.738.379
Doanh thu hoạt động tài chính			1.601.819.592
Chi phí tài chính			(2.796.131.588)
Thu nhập khác			127.724.455
Chi phí khác			(83.353.559)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(3.457.602.616)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			13.757.194.663
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	9.381.169.248	-	9.381.169.248
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	8.097.079.548	-	8.097.079.548
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-
Kỳ trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	335.939.176.258	93.565.463.817	429.504.640.075
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	335.939.176.258	93.565.463.817	429.504.640.075
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	26.148.712.933	6.120.663.215	32.269.376.148
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(8.925.943.813)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			23.343.432.335
Doanh thu hoạt động tài chính			1.587.033.296
Chi phí tài chính			(7.189.857.062)
Thu nhập khác			95.757.055
Chi phí khác			(123.384.123)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(3.577.349.578)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			14.135.631.923
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	4.534.376.790	-	4.534.376.790
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	9.098.429.514	-	9.098.429.514
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-

5-00
HÀNH
TY
HỮU
VÀ TỰ
C
NỘI
TP. V

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA, BAO BÌ VINH

Địa chỉ: Khối 8, phường Bến Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	Khu vực trong nước	Khu vực nước ngoài	Cộng
Số cuối kỳ			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	208.566.630.629	15.132.461.719	223.699.092.348
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			169.411.027.774
Tổng tài sản			393.110.120.122
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	78.902.023.402	1.506.143.078	80.408.166.480
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			159.462.016.941
Tổng nợ phải trả			239.870.183.421
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	209.383.269.126	17.010.769.159	226.394.038.285
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			161.771.212.657
Tổng tài sản			388.165.250.942
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	92.653.798.225	1.955.248.971	94.609.047.196
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			135.749.853.818
Tổng nợ phải trả			230.358.901.014

2b. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là bao bì và vật tư bao bì.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lập, ngày 13 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trần Thị Quế Lâm

Phan Văn Toàn

Lê Xuân Thọ